

Mật Tạng Bộ 3 \_ No.1120A (Tr.513 \_ Tr.520)

## KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ TRUNG LƯỢC XUẤT ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA NIỆM TỤNG NGHI

Phạn Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_ Đặc Tiên Thi Hồng Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí\_ Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

Cúi đầu lễ Đại Mật

Từ **Trì Kim Cương** sinh

Mở diễn Nghi vi diệu

Khế chân thật giản yếu

Người tu tập Du Già

Nguyện hưng tâm lợi lạc

Hết mười phương không sót

Tất cả Giới Chúng Sinh

Thành tựu Tính Chân Ngôn

Tùy theo ý xưng tụng

ॐ स्र्वा योर्गा-सिर्ताम उत्पदा यामि

**An (1) tát phộc du nga chất đa (2) mẫu đáp-bá na dạ nhĩ**

OM SARVA YOGA-CITTAM UTPADA YAMI

Do vừa phát tâm này

Diệt trừ tất cả chướng

Được an vui, thích ý

Vượt hơn chúng Ma La (Màra:Ma chướng)

Liên đồng các Như Lai

Thế (đời) Thiên (Trời) đều cúng dường

Biết Pháp không Tự Tính

Đạt Thắng Nghĩa Bồ Đề

Nghĩ trong Thể của mình

Tâm Phổ Hiền như trăng

Thân Tướng về Không Tịch (Lặng lẽ trống rỗng)

Phun hiện **Bạt Chiết La**

**Ngũ Cổ** trắng bóng loáng

Thành dung mạo Tát Đỏa (Vajrasatva)  
Đài sen, chất trắng tinh  
Dùng năm Phật nghiêm mỗ  
Áo đỏ, hào quang đỏ  
An trú trong Viên Minh (Vòng ánh sáng tròn trịa)

Chân Ngôn với TỰ ẤN  
Theo thứ tự kiến lập  
Nhân Giả ngồi Bán Già  
Chi trái đè chân phải  
Trí Quyền (quyền phải) ném Luân (bánh xe) xong  
Đem đè ở lồng ngực  
**HÔNG (HŪM)** là **Tâm Chân Ngôn**  
Định Quyền (quyền trái) chặm che háng  
Thân Ngũ Ý Kim Cương  
Đừng nghiêng lệnh Chi Phần  
Thành **BẢN TÔN ĐẠI ẤN**

Tiếp kết **Kim Cương Chưởng**  
Dựng hợp giao đầu ngón  
Mật Ngôn, xứng như vậy  
𑖀𑖩 𑖀𑖪  
**Phộc nhật Lan, nhược lý**  
VAJRÀM JALI

Liên làm **Kim Cương Phộc**  
Minh ấy bày như sau  
𑖀𑖩 𑖀𑖪  
**Phộc nhật-la, mẫn đà**  
VAJRA BANDHA

Mở **Phộc** , vỗ đập tim  
Nên tụng Mật Ngôn là:  
𑖀𑖩 𑖀𑖪 𑖀𑖫  
**Phộc nhật-la , mẫn đà (1) đát-la tra (2)**  
VAJRA BANDHA TRAT

Tiếp **Kim Cương Phộc** trước  
Thiền Trí (2 ngón cái) cách Đàn Tuệ (2 ngón út)

Xưng **Biến Nhập Chân Ngôn**

Giáng lâm mỗi gia hộ

𑖀𑖩 𑖀𑖥 𑖀𑖫

**Phộc nhật-la phệ xả (1) ác (2)**

VAJRA VE'SA (? AVI'SA) AH

Chẳng sửa Khê lúc trước

Thiền Trí (2 ngón cái) gia Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Đây là **Tam Muội Quyền**

Chân Ngôn, tụng như vậy

𑖀𑖩 𑖀𑖫 𑖀

**Phộc nhật-la, mẫu sắt-tri (1) Hàm (2)**

VAJRA MUṢṬI VAM

Chia Quyền ấy làm hai

Trái chậm, phải an tim

Thân Ngũ Ý Kim Cương

Hình thể y Sơ Quán (Quán lúc ban đầu)

Cùng **Phộc** trước làm chuẩn

Trí (ngón cái trái) và Tiến (ngón trỏ phải) như cửa

Thiền (ngón cái phải) lẩn ở trong ấy

Ấn tim, trán, họng, đỉnh

Đều tụng Chân Ngôn này:

𑖀𑖩 𑖀𑖫 𑖀

**Tố la đa, tát-đát-phạm**

SURATA STVAM

Lại bày Kim Cương Phộc

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) thành dạng đao

Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn cạnh mũi (mũi nhọn của đao)

Y theo vạch thứ nhất

Thiền (ngón cái phải) đè ở đầu Trí (ngón cái trái)

Như thế Kết Già Phu

Ấn đỉnh, tim nên tưởng

**Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana)

Nghiêm nhiên, sáng trắng tinh

Tụng Chân Ngôn này là:

𑖀𑖩 𑖀𑖫 𑖀

**An, bộ khiếm**

## OM BHÙH KHAM

Tiếp nên ấn vàng trán  
Nên tướng **A Súc bệ** (Akṣobhya)  
Màu xanh ở phía trước  
Xưng câu **Bí Minh** này:  
𑖀𑖩𑖨𑖩  
**Phộc nhật-la tát đát-phộc**  
VAJRASATVA

Tiếp ấn bên phải đỉnh  
Tên ấy: **Bảo Sinh Tôn** (Ratnasambhava)  
Màu vàng, tướng đoan nghiêm  
Chân Ngôn , tụng như vậy  
𑖀𑖩𑖨𑖩  
**Phộc nhật-la, la đát-na**  
VAJRA-RATNA

Nâng để phía sau đỉnh  
**Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitayuh )  
Màu đỏ, nghi thù đặc  
Xưng Chân Ngôn này là:  
𑖀𑖩𑖨𑖩  
**Phộc nhật-la, đạt ma**  
VAJRA-DHARMA

Lại đến bên trái đỉnh  
**Bất Không Thành Tựu Tôn** (Amoghasiddhi)  
Màu lục, vòng năm Phật  
Tụng câu **Bí Minh** này:  
𑖀𑖩𑖨𑖩  
**Phộc nhật-la, yết ma**  
VAJRA-KARMA

Tiếp tác **Bảo Man Ấn**  
Quán Đỉnh dùng nghiêm thân  
Dùng hai tay Kim Cương  
Liền cột buộc trước trán  
Lại chia quyền sau ót

Như trước cột vòng hoa  
Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần  
Đem Vũ (bàn tay) hạ hai bên  
Tưởng như rũ đai lụa  
Tiếp lại tụng Chân Ngôn:  
ॐ वज्र माला अभिसिंका मम वाम  
**Ấn (1) phộc nhật-la , ma la ty sấn giả (2) mấn (3) hàm**  
OM VAJRA MÀLA ABHISIMCA MAM VAM

Định Tuệ vũ (2 bàn tay) đều duỗi  
Cùng **Phách Khế** thành tự  
Hay thích tất cả Thánh  
Chân Ngôn, xưng như vậy:  
वज्र तुष्य हः  
**Phộc nhật-la (1) đồ sử-dã (2) hộc (3)**  
VAJRA TUŞYA HOH

**Kim Cương Mạn Ấn Minh**  
Lắng tâm, tụng một biến:  
सर्वं कुरु यथा सुखं  
**Tát phạm củ lỗ (1) dã tha, tố khiếm**  
SARVAM KURU YATHÀ SUKHAM

Lại đủ **Minh** như trên  
Mão Kim Cương Tát Đỏa  
Dùng sắc thân năm Phật  
An trụ, tương ứng Ấn  
**Biến Chiếu Bạc Già Phạm** (Vairocana)  
Khế trụ Như Lai Quyền  
Tiếp bày **A Súc Bệ** (Akşobhya)  
Định Vũ (bàn tay trái) cầm góc áo  
Thành quyền án trên tim  
Tuệ (tay phải) chạm đất như Nghi  
**Thí Nguyên, Bảo Sinh Tôn** (Ratnasambhava)  
Trí Chưởng (lòng bàn tay phải) ngửa ngang vú  
**Vô Lượng Quang** (Amitàbha) **Thắng Ấn**  
Định Quyền (quyền trái) cầm sen che  
Tuệ Quyền (quyền phải) tự bóc hoa



MEBHAVA) SUTAṢYO (? SUTAṢYO) MUBHAVA (? MEBHAVA) SUDṚDHO  
MOBHAVA (? MEBHAVA) SUPOṢYO MOBHAVA (? MEBHAVA)  
BHAGAVAM NANA DHANAḤSARVA (?DHÀNASATVA). SARVA SIDHI  
ME PRAYACCHA, EṢA TVÀNA KṚṢYO PRAVE'SYA , SAMAYE RMVA (?  
SAMAYA ARTHA) DHVAM VA'SI KAROMI ME , ADRÀMATRA PADEḤ (?  
MUDRA MANTRA-PÀDAI) JAḤ HÙM VAM HOḤ

Các Tôn sẽ vui thích

Cảnh giác Tam Muội Gia

Tụng đến **Nhược Tự Minh** ( 𑖔 \_JAḤ)

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như móc câu

Mở **Câu** ngay tim xong

Bản Tôn giáng Đạo Trường

Chúng Thánh cũng đều đến

Y vị trí mà ngồi

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) liền vịn nhau

Như vòng, thành **Sách Khế**

Chữ **Hàm** ( 𑖕 \_ HÙM) **dây** dẫn vào

Hai Độ (2 ngón tay) quán chặt nhau

Thành **Tỏa** , ngừng các Thánh

Chữ **Mộng** ( 𑖖 \_ VAM) là Minh ấy

Trên dưới, dẫn dao động

Thành **Bàn** (tảng đá lớn) xứng câu **Hộc** ( 𑖗 \_HOḤ)

Niệm âm thanh vui sướng

Hay thích Tâm chúng Thánh

Liền bày **Át Già Khế**

Trụ chắc **Kim Cương Chưởng**

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) bèn hợp nhau

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu

Thiền Trí vịn gốc ấy (gốc 2 ngón trỏ)

Bên Ấn, xứng câu **Ấn** ( 𑖘 \_OM)

𑖘 𑖙𑖚 𑖛𑖜 𑖝𑖞 𑖟𑖠 𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

**Ấn, ca lỗ mục khiếm (1) tát phộc đạt ma , na ma na-ngữ (2) nỗ-bán năng đát-phộc đa (3)**

OM KAKO (? KARO) MUKHAM , SARVA DHARMMA (? DHARMA)  
NAMÀDYAN UTPANA TVÀT

Liền dâng nước thơm ấy

Xứng **Át Già Minh** sau

पुंम सुखमिय सललित विलसन मिक म म रगतं ँ ः  
ॐ वं ः लं लं लं लं पुगक कुसुमं ःलक्य

Bả la ma tố khư xả dĩa (1) sa la lý đa (2) vĩ la sa năng nhĩ đái la-năng ma nhĩ  
già phạm đam (3) nhược, hồng hàm, học (4) hử hử hử hử (5) bát-la để xa (6) củ tố  
mãn nhạ lý la-năng tha (7)

PARAMA SUKHÀ'SAYA SALÀLITA VILÀSANA MI TAIRNA MÀ MI  
BHAGAVAM TAM \_ JAH HÙM VAM HOH , HI HI HI HI , PRATICCHA  
KUSUMÀM JALIRNÀTHÀ (? JALIRNÀNA)

Phụng hiến sát vàng trán  
Như Nghi tắm chúng Thánh  
Y trước quán trăng nay  
Trăng tinh hiện trong Đàn  
Ở nơi Đại Thánh ngự  
Khế trụ **Kim Cương Mạn**

Lại bày bốn Tôn Vị (vị trí của bốn Tôn)

Mắt , tên (mũi tên) tại phía trước

Màu đỏ, quần áo đỏ

Mão, vòng hoa nghiêm sức

Hai vũ (2 tay) dương cung tên

Nghi chiêm ngưỡng Thánh Giả

**Kế Lý Kế La Tôn** (Kilikila)

Màu trắng, ở bên phải

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền

Giao ôm Tam Muội Gia

Phía sau, tên là **Ái**

Hình, quần áo màu xanh

Hai Quyền, dựng Tuệ Tý (cánh tay phải)

Chở nâng đỡ Định Vũ (tay trái)

Cùng cầm phướng Ma Kiệt

Bên trái, tên là **Mạn**

Màu vàng, quyền tại háng

Hương trái, hơi cúi đầu

Yết Ma Ấn Chân Ngôn

Gia trì an vị trí

**Đại Thánh Kim Cương Mạn**

Nên tụng Tâm Mật Ngôn:

ॐ



**Hông**  
HÙM

Tiếp lại bày các Tôn  
Bắt đầu từ Mắt, Tên (mũi tên)  
Hai Quyền đều bền chắc  
Nghỉ giương cung bắn tên  
Tướng Mật Khế đã thành  
Bí Minh, tụng như sau:

ॐ वज्रं तृष्टं सयकं मद्र

**Nhược (1) phộc nhật-la địa-lý sắt-tri (2) sa dã kế (3) ma tra (4)**  
JAH VAJRADRṢṬI SAYAKE MAT

Hai Vũ (2 tay) dựa Quyền trước  
Giao cánh tay ôm ngực

**Kế Lý Kế La Tôn**

Nên tụng câu sau này:

ॐ वज्रं केलिकिले ॐ

**Hông (1) phộc nhật-la kế lợi cát lệ (2) hông (3)**  
HÙM VAJRA KELİKILE HÙM

Tiếp lại sửa Ấn trước  
Dựng Tuệ Tý (cánh tay phải) như phượng  
Định Quyền (quyền trái) nâng cùi chỏ  
Tụng Minh, tên **Ái Khế**

ॐ वज्रं मारा राट

**Hàm (1) phộc nhật-lý nễ (2) sa-ma la (3) la tra (4)**  
VAM VAJRINI SMÀRA RAṬ

Hai Quyền đều ở háng  
Hương đầu nghiêng bên trái  
Tướng **Mạn Khế** vừa thành  
Chân Ngôn, tụng như sau:

ॐ वज्रं कामेश्वरं ॐ

**Hộc (1) phộc nhật-la ca minh thấp-phộc lý (2) đát-lam (3)**  
HOH VAJRA KÀME'SVARI TRÀM

Tiếp bày **Nội Cúng Dường**

Khởi đầu, góc Đông Nam

Hình áo trắng dâng hoa

**Kim Cương Diệu Thích Duyệt**

**Kim Cương Thích Duyệt Tính**

Màu đen, cầm lò hương

**Kim Cương Nhãn** hiển đèn

Dùng màu đỏ nghiêm sức

Mặt (hạt nhỏ vụn) làm **Đồ Hương Vị** (vị trí của **Đồ Hương**)

Kim Cương Đại Cát Tường

Hình chất đều màu vàng

Tiếp bày tướng Khế ấy

Trước đều múa hai Quyền

Như Nghi vừa kết thành

Đem hai Kim Cương Quyền

Kèm bung ném lên trên

Tướng Diệu Hoa cúng dường

Chân Ngôn xưng như sau:

ॐ वज्रं रतिः

**Hệ (1) phộc nhật-la (2) la để (3)**

HE VAJRA RATIḤ

Kèm Quyền ném xuống dưới

Nhớ biển mây hương đốt

Phổ biến khắp tất cả

Tụng Chân Ngôn như sau:

महालादाफुल्लयुक्तं वज्रं कः

**Ma ha la đa phộc nhật-ly (1) hộc (2)**

MAHÀRATA VAJRI HOḤ

Hai Quyền hợp Thiên Trí (2 ngón cái)

Như đèn, nên vận tướng

Rộng thí làm Phật Sự

Mặt Ngôn, xưng như vậy:

ॐ वज्रं लोचने

**An (1) phộc nhật-la (2) lộ giả ninh (3)**

OM VAJRA LOCANE

Kèm che hai Quyên ấy  
Y ngực bung hai hương  
Như thế **Diệu Đồ Hương** ( xoa bôi hương thơm)  
Nên tụng Chân Ngôn này:  
**𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛**  
**Ma ha thất-lợi (1) phộc nhật-ly (2) hứ (3)**  
MAHÀ 'SRÀ (? 'SRÌ) VAJRA HIḤ

**Các Tôn Ngoại Cúng Đường**  
Bốn góc, lại nghĩ tưởng  
Đông Nam tên **Hỷ Hý**  
Để hai Quyên ngang tim  
**Tiểu** ở góc Tây Nam  
Bung hai vũ (2 tay) bên miệng  
**Ca** ở góc Tây Bắc  
Cầm Không Hầu (một loại đàn) búng tay  
Đông Bắc, **Vũ** là tên  
Như Nghi: thế xoay chuyển  
Hình , áo màu vàng ròng

Lại bày Chân Ngôn Khế  
Che kèm ở hai Quyên  
Ràng buộc tim, chuyển phải  
Đây là **Hỷ Hý Ấn**  
Minh ấy, xung như sau:  
**𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛**  
**Hệ la đế phộc nhật-la (1) vĩ la tứ nễ (2) đát-la tra (3)**  
HE RATI VAJRA VILASINI (? VILÀSINI) TRAT

Như Ấn trước, bên miệng  
Dần bung từ Đàn Tuệ (2 ngón út)  
Dương chưởng, duỗi cánh tay  
Mím cười tụng Chân Ngôn:  
**𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛 𑖀𑖩𑖫𑖛**  
**Hệ la đế phộc nhật-la (1) hạ tế (2) ha ha (3)**  
HE RATI VAJRA HASE (? HÀSE) HA HA

Định Tý (cánh tay phải) như Không Hầu  
Sửa Tiến Lực (2 ngón trở) hơi co  
Tuệ Vũ (bàn tay trái) thế búng dây  
Ca hát, tụng Minh ấy  
𑖀 𑖀𑖄 𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖀  
**Hệ la đế phộc nhật-la (1) nghĩ đế (2) đế đế (3)**  
HE RATI VAJRA GÌTE TE TE

Hai Quyển múa ở tim  
Hợp trên đỉnh, liền bung  
Tên gọi **Vũ Khế Tướng**  
Liền bày câu Chân Ngôn  
𑖀 𑖀𑖄 𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖀  
**Hệ la đế phộc nhật-la nễ-lý đế (2) phệ ba, phệ ba (3)**  
HE RATI VAJRA TRTYE (? NRTYE) VEPA VEPA

Bốn **Thừa Chỉ** ở cửa  
Sẽ bày hình, nghi phục (Quần áo , vật trang sức)  
Sơ (cửa Đông) **Trì Câu** màu xanh  
Nghiêm lệ nơi cư trú  
Nam **Huê Sách** (sợi dây dẫn dắt) đều vàng  
Tây: **Chấp Tỏa** màu đỏ  
Bắc ấy, tên là **Khánh**  
Mão tóc màu xanh lục

Khế ấy với Chân Ngôn  
Nay tiếp lại trình bày  
Hai Quyển nên ép long  
Ngược Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau  
Tiến Lực (2 ngón trở) đều ráng duỗi  
Lại hơi co Tiến Độ (ngón trở phải)  
Hơi vời, là **Câu Khế**  
Minh ấy, xứng như sau:  
𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖀  
**Phộc nhật-lãng củ thể (1) nhược (2)**  
VAJRAMKU'SE JA (? VAJRA AMKU'SE JAH)

Ấn trước, giao Tiến Lực (2 ngón trở)

Ngược, đem đầu chạm nhau

TRong ấy như vòng dây

Xưng tụng Chân Ngôn sau:

𑖀𑖄𑖅 𑖄𑖅 𑖄𑖅

**Phộc nhật la bá thế (1) hồng (2)**

VAJRAPA'SAM (? VAJRAPÀ'SE) HÙM

Sửa Tiến Lực (2 ngón trở) móc nhau

Mở Quyền, giao long vờ

Liên thành tên **Tỏa Khế**

Mật Ngôn , xưng như vậy:

𑖀𑖄𑖅 𑖄𑖅𑖄𑖅𑖄𑖅 𑖄𑖅

**Phộc nhật-la hương ca lệ (1) hàm (2)**

VAJRA 'SAMKALE VAM

Như **Tỏa**, lưng dính nhau

Dao động, **Khánh Minh** là:

𑖀𑖄𑖅 𑖄𑖅𑖄𑖅 𑖄𑖅

**Phộc nhật la kiện tai (1) hộc (2)**

VAJRA GHAMTE HOH

Nơi nghiêm sức Đại Thánh

Tòa hoa với quần áo

Ngoài ra thấy Tôn trước

Màu sắc tùy thân tướng

Hình thù đủ mọi Đức

Đầu đội mào năm Phật

Cùng dựng Mạn Trà La

Các vị, trước giữ tướng

Hiện vành trăng tròn sáng

Quán niệm ở trong đó

Bán Già, mặt Bản Tôn

Mắt ưa thích chiêm ngưỡng

Lại tuyên Tam Muội Ấn

Trình bày trước Bản Tôn

Khế ấy với Chân Ngôn

Như Nghi, đừng sai lầm

Tiếp nên bày Tôn khác

Cũng **mắt, tên** (mũi tên) làm đầu

Dựa nơi Hộ Thân trước

**Đại Lạc Tùy Tâm Ấn**

Ráng co Tiến Lực ấy (2 ngón trở)

Phần đầu dính lưng nhau

Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau đè

Sẽ thành tự Tướng Khế

Dem Thiền (ngón cái phải) đè ở Trí (ngón cái trái)

Giao sâu, liền thành Ấn

Tên **Kế Lý Kế La**

Tiếp bày tướng **Ma Kiệt**

Tiến (ngón trở phải) móc nơi Nguyệt Độ (ngón giữa trái)

Lực (ngón trở trái) đào đầu Trí ấy (ngón cái trái)

Duỗi Giới Phương (2 ngón vô danh) thành kim

Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng thẳng

Thiền Trí (2 ngón cái) tự kèm nhau

Đều đè bên Tiến Lực (2 ngón trở)

Tướng **Ái Khế** đã thành

Chẳng sửa Ấn lúc trước

Từ ngoài chạm **Cổ** ấy

Trái phải trước cũng vậy

Lại bày **Nội Cúng Đường**

Xoay nghiêng Kim Cương Chưởng

Ném trên là **Hoa Ấn**

Bung dưới thành **Thieu Hương**

Thiền Trí (2 ngón cái) ép làm **Đèn**

**Đồ Hương** y ngực khải

**Hỷ Hỷ** xoay chuyển lễ

**Tiểu Khế** sát bên miệng

Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần

Lại kết **Ca Ấn** ấy

Sửa Lực Độ (ngón trở trái) hơi co

Tiến (ngón trở phải) bật nhẹ ở giữa

Định Vũ (tay trái) **Khư Tra Ca**

Tuệ (tay phải) tác tướng ba phan



**Ma ha tố khư (1) ma ha la già (2) ma ha phộc nhật-la (3) ma ha đà na (4) ma ha nương na (5) ma ha yết ma (6) phộc nhật-la tát đát-phộc đình , tất đà, minh (7)**

MAHÀSUKHA MAHÀRÀGA MAHAVAJRA (? MAHÀ-VAJRA)  
MAHADHANA (? MAHÀ-DHÀNA) MAHAJÑÀNA (? MAHÀ-JÑÀNA) MAPHA-  
KARMMA (? MAHÀ-KARMA) VAJRA-SATVADYA SIDDHYA MI

Tiếp bày tướng **Nhãn Ấn**  
Từ Đại Thánh làm trước  
Các thứ khác, quán nhìn  
Tên Khế cũng phân biệt

Hành Nhân lại nên dùng  
**Kim Cương Nhãn** là Tôn  
**Đại Thích Duyệt Kim Cương**  
**Bất Không Cảnh Ngộ Ấn**  
Nên quán mé Tát Đỏa  
Kèm hưng tâm Đại Nhiễm  
Do Ấn này gia trì  
Sẽ mau chóng thành tựu

Tuệ (tay phải) làm tướng ba phan  
Định Vũ (tay trái) **Khư Tra Ca**  
Như trước ngay tim mình  
Múa xong, thế ném hoa

Mở nửa mắt, mặt cười  
Chiêm ngưỡng nơi Bản Tôn  
**Đại Thích Ý Kim Cương**  
**Bất Không Tiền Ấn Tướng**  
Pháp Giới Thể Tính Trí  
Do đây hay trụ giữ

Mắt Đại Thích Duyệt quán  
Bản Tôn, mặt Thánh Giả  
Đại Thích Duyệt nhìn Ấn  
Người ít Phước cũng thành



Mau Nguyên, dung mạo dữ  
Gia trì Đại Thành Tự  
Lại nên khiến hiện chứng  
Vượt thắng dòng Ngoại Đạo

**Đại Tích Duyệt Kim Cương**  
**Tràng Phan Trang Nghiêm Ấn**  
Dương trông mắt nhìn liếc  
Định (tay trái) làm **Khư Tra Ca**  
Tuệ (tay phải) kên kết ba phan  
Như trước, tướng xoay múa  
Cũng làm thế ném hoa  
Lễ **Tên** ấy, Ấn thành  
Các người Trời ba cõi  
Cung kính sẽ cúng dường

Tiếp năm cách nhìn trước  
Bổn Tôn, **Hồng Tự Minh**  
Nay Nguyên, **Mạn Ấn** và  
Còn lại, Yết Ma Khế  
Điều tụng câu Chân Ngôn  
Như trước không có khác

Nơi thành thân Đại Thánh  
Pháp Giới Thể Tính Trí  
Như trước tham nhiệm nhìn  
Viên Tịch khiến nhìn ngó

Lại hơi mở con mắt  
Mí mắt nên động nhìn  
Tên ấy, viết **Minh** nhìn  
Dùng đây thỉnh Bản Tôn  
Nhập vào khắp thể mình  
Thân tâm ái nhiệm tướng  
Phụng sự nơi Thánh Giả  
Ấn Lực Khế, Chân Ngôn  
Biết tự tính đều đạt  
Tất Đỏa nhân đây trụ

Nay tu phương tiện này  
Nên ta sẽ thành tựu

Y Giáo vòng Cúng Dường  
Tiếp dụng **Tịch Trừ Ấn**  
**Kim Cương Xí Thịnh Nhật**  
**Tam Muội Gia** là tên  
Hai Vũ (2 bàn tay) cài chéo trong (Nội tương xoa)  
Tám Độ (8 ngón tay) trợ đỉnh chưởng (lòng bàn tay)  
Duỗi Thiên Trí (2 ngón cái) hợp mặt  
Như chày, liền Hư Quyên  
Chuyển trái hay Tịch Ma  
Chuyển phải Kết Giới khắp  
Tiếng Hồng (HÙM) như sấm nổ  
Tùy ý làm đề phòng

Ngay Thắng Giải suy tư  
Tất cả Hư Không Giới  
Hương xoa, đèn, ăn uống  
Vòng hoa với hương đốt  
Quần áo, lọng, phướng, phan  
Quạt, phát, Ca, Bảo Đạc (chuông lắc tay báu)  
Diệu Vũ (múa hay) và cung điện  
Nghĩ cúng dường thù thắng  
Nay ta biến hóa thành  
Chúng Thánh đều nhận dùng

Như câu chữ **Ấn** (OM) trước  
Xưng tụng và vận tưởng  
Chẳng nháy mắt, tươi cười  
Y yêu thích bền chắc  
Quán lâu Thể Thánh Giả  
Liền thành mắt Kim Cương

Bày Đại Ấn Bản Tôn  
Tất Đỏa Tam Ma Địa  
Môi răng nên hợp nhau  
Kim Cương Ngữ lia tiếng



nhượng già ma bát-la phộc la (38) bát-la bả-đế bà phộc (39) sa già la, thú đà na (40) a na địa nễ đà na điển đa kiến đa (41) bát-la-ca tát phộc ma thất-thể đa (42) hiệt-lý đa-mẫu na la (43) du già tam muội dước (44) đa đát-phộc tát đa-dã (45) ma ha ma hác (46) đà tha già đa (47) ma ha tát đà (48) đạt ma yết ma (49) ma ha bột đà (50) sa đạt ma sa đa-yết ma bạt tha (51) bồ đề chất đa (52) tố mộ đà ca (53) phộc nhật-la củ-lỗ đà (54) ma ha củ-lỗ đà (55) nhập-phộc la bát-la dã , na ma cước (56) ma ha vi na dã (57) nỗ sắt-tra ngật-la (58) lỗ na-la , lao na-la (59) cát-xoa dựng, ca la (60) tát phộc thú địa (61) ma ha bạt na-ma (62) bát-la ngật-nhũ bá dã (63) ma ha na dã (64) la già thú địa (65) sa ma đình ngật-la (66) vĩ thấp-phộc la già (67) ma hề thấp-phộc la (68) a ca xá , nan đa-dã (69) nễ đồ phệ )70) tát phộc bột đà (71) ma ha la dã (72) vĩ bộ để thất-lợi (73) vĩ mộ la nhạ (74) tát phộc xá (75) bạt lý bố la cước (76) Năng ma tát-đế tát-đỏ (77) năng ma tát-đế tát-đỏ (78) năng ma tát-đế tát-đỏ (79) năng mưu năng mạc (80) bộ ngật-đỏ hận đát-phạm (81) bát-la bạt đình minh (82) phộc nhật-la tát đát-phộc đình (83) tát đà mãn (84)

PARAMĀDYA MAHĀSATVA MAHĀRATA MAHĀRATI  
 SAMAMTABHADRA (? SAMANTABHADRA)\_ SARVATMA ( ? SARVA ATMA)  
 VAJRA GARDHVA PATE PATE , CITTASATVA SAMĀDHYAGRA VAJRA  
 VAJRA MAHĀDHANA SAMAMTABHADRA (? SAMANTABHADRA)  
 CARYĀGRA , MĀRA MĀRA PRAMARDAKA \_ SARVA BODHE  
 MAHĀBUDDHA BUDDHA BUDDHAGRA JAMMA JAḤ \_ VAJRA- HŪM̐KARA  
 HŪM̐KARA LOKE'SVARA MAṆI PRADA MAHĀRAGA , MAHĀSAUKHYA  
 KAMA MOKṢA , MAHĀDHANA TRILA (? TRIKĀRA) STRIBHAVA STRI  
 'SGRYA TRILOKĀGRA TRIDHĀTRAKA (? TRIDHĀTVAKA) SPHĀVARA (?  
 STHAVARA) PRABHAVA VYAKTA SUSUKṢMA SPHULA (? SPHURA)  
 SAMCAYAM JAMGAMA PRAVARA PRAPTE BHAVA SAGARA 'SODHANA  
 \_ ANADINI DHANĀTYAMTA KĀM̐TA PRĀKA \_ SARVA MOSPHITAḤ  
 HṚTMADRĀ YOGA SAMAYAḤ TATVA SATYA \_ MAHĀMAHAḤ  
 TATHAGATA ( ? TATHĀGATA) MAHĀSIDDHA DHARMMA ( ? DHARMA)  
 KARMMA ( ? KARMA) MAHĀBUDHA (? MAHĀBODHA) SADHARMMA ( ?  
 SADHARMA) SAKARMMA ( ? SAKARMA) PATHĀ BODHICITTA  
 SUBODHAKA \_ VAJRAKRADHA ( ? VAJRAKRODHA) MAHĀKRODHA JVALA  
 PRALAYA DAMAKAḤ MAHĀVINAYADDHAṢṬĀGRA RUDRA RAUDRA  
 KṢAYAM KARAH \_ SARVA 'SUDDHI MAHĀPADMA PRAJÑĀ PAYA  
 MAHĀNAYA RĀGA SIDDHI SAMADHYĀGRA VI'SVARAGA MAHE'SVARA  
 \_ ĀKĀ'SĀNAM TYANI TYOVAI , SARVA BUDDHA MAHĀLAYA VIBHŪTI  
 'SRĪ VIBHORAJA SARVA 'SĀPARI PRAKAḤ \_ NAMASTESTU ( ?  
 NAMASTUTE) NAMASTISTU (? NAMASTUTE) NAMASTESTU ( ?



Muốn cầu, Hành Giả trước  
Bốn thời ở Đạo Trường  
Tụng đủ một lạc xoa  
Tiếp ngày đêm trì niệm  
Các Tôn sẽ che giúp  
Càng thêm hành tinh tiến

Lại diễn Môn **Niệm Tụng**  
Tu tập bốn Uy Nghi  
Như trước nguyện bạt tế  
Không sót giới Hữu Tình  
Cũng tụng Sơ Sở Trần (điều trình bày ban đầu)  
Mật Ngữ Tâm Bồ Đề  
Lại nên xưng chữ **A**  
Dùng Môn **Diệu Thích Duyệt**  
**Rõ các Pháp chẳng sinh**  
Như sơ (lúc ban đầu) trụ **Không Quán**  
Viên Minh (vòng sáng tròn trịa) chày Ngũ Phong  
Với thành tựu thân mình  
Đồng chân nghi Tát Đỏa  
Quán tưởng thật rõ ràng  
Bán Già, phải đẽ trái  
Liên hợp Kim Cương Chưởng

Lại bày Kiên Cố Phộc  
**Khai Tâm** (mở tim) **Biến Nhập Ấn**  
Tam Muội Quyên (quyên trái) cũng vậy  
Xoay **Kim Cương Mạn Ấn**

Ấn năm Phật (Ngũ Phật Ấn) mào báu  
Cột vòng hoa, rũ đai  
Gia nhập khiến vỗ tay (phách chưởng)  
Tam Muội Khế hộ trì  
Lại Ấn này thỉnh Tôn  
Giáng vào trong thân mình

Tám **Cúng Dưỡng** vân tập  
Như lúc trước. an lập

Đều y nơi Đại Không  
Bày vị trí, quán niệm  
Rõ ràng la liệt xong  
Bày **Kim Cương Mạn Khế**  
Các Tôn **Cúng Dường** khác  
Đều dùng **Yết Ma Ấn**

Nay chỉ Tiêu Khế Hiệu  
Tướng ấy, trước đã bày  
Đều tụng Bản Chân Ngôn  
Kèm vận tâm cúng dường  
Quán thân sắc trống rỗng  
Chân thật nhìn Bản Tôn  
Y như Thắng Giải này  
Quyết định không nghi ngờ  
Nhân Duyên, loài Hữu Tình  
Ngộ **Bản** (Gốc) đều thành Không (trống rỗng)  
Phàm ngộ việc trang nghiêm  
Dòng thù đặc thích ý  
Diệt ấy, đều quán Không (trống rỗng)

Tiếp nữa, lại tái lập  
Đều thành thanh tịnh xong  
Tướng cúng dường Bản Tôn  
Kèm xưng **Án Tự Minh**  
Đồng Phổ Hiền, thọ dụng

Lại bày **Tiên Hành Pháp**  
Tùy nơi mà tu tập  
Số đủ một lạc xoa  
Như trước, ngày đêm tụng

Nếu tinh chuyên một tháng  
Hai tháng hoặc nửa tháng  
Cảnh Tướng sẽ hiện tiền  
Tùy ý cầu thành tựu  
Vị lên Chủng Phật Vị  
Bồ Tát với Bản Tôn

Tin xong, tức thân ấy  
Mới quyết định, liền chứng  
Tuy chương nặng, lười biếng  
Đời này mau chóng được  
Môn Đại Lạc Vi Diệu  
Nhân Giả nên tôn phụng

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ KINH TRUNG LƯỢC XUẤT  
ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA NIỆM TỤNG NGHI QUỸ (Hết)

05/08/2007